TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/KDTM-ST
Ngày: 14 - 5 - 2026
" Yêu cầu hoàn trả tiền tạm ứng theo hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Vũ Bá Bảo

Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Ngọc Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03 /2026/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp "Yêu cầu hoàn trả tiền tạm ứng theo hợp đồng " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/QĐ-TA ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H, địa chỉ trụ sở: Số D đường K, phường V, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Đình B (Theo Giấy uỷ quyền số 61/2025/ RGG-GUQ ngày 09.09.2025). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV X, địa chỉ trụ sở: B N, phường S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nam T1, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị M - sinh năm: 1964; địa chỉ: Phường H, thành phố Đà Nẵng (Ủy quyền ngày 23/01/2026). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31/3/2022 Công ty TNHH H (gọi tắt là công ty H) ký kết Hợp đồng thuê thiết bị thi công số: 45/HĐTTC/SM-NT với Công ty TNHH MTV X về việc thuê thiết bị thi công nạo vét công trình: "Nạo vét Sông Cổ C", với tổng giá trị Hợp đồng là: 6.450.000.000 đồng. Ngày 10/5/2022 Công ty H đã chuyển tiền tạm ứng theo Hợp đồng số 45/HĐTTC/SM-NT cho công ty TNHH MTV X với số tiền: 2.900.000.000 đồng.

Sau khi Công ty TNHH H chuyển tiền tạm ứng cho Công ty TNHH MTV X theo Hợp đồng thì chủ đầu tư thông báo không thể bàn giao mặt bằng để thi công cho Công ty TNHH H vì không giải toả được mặt bằng buộc phải dừng dự án nạo vét sông C – Phần nạo vét thuộc dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó biến đổi khí hậu thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ngày 06/6/2023 chủ đầu tư yêu cầu đơn vị trúng thầu sớm hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng cho chủ đầu tư để chủ đầu tư hoàn trả lại cho Ngân hàng A. Nhận thấy đây là trường hợp bất khả kháng Công ty TNHH H đã cùng Công ty TNHH MTV X đã gặp trao đổi và thống nhất sớm hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV X vẫn không có ý định hoàn trả lại tiền tạm ứng cho Công ty TNHH H đã được nhiều lần có văn bản đề nghị hoàn trả số tiền tạm ứng cũng như gặp trực tiếp. Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng ngày 26/12/2024 Công ty TNHH H đã khởi kiện Công ty TNHH MTV X đến Toà án buộc hoàn trả số tiền còn nợ là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm triệu đồng) .

Trong thời gian vụ án đang được giải quyết nhằm tạo điều kiện cho Công ty X tìm nguồn vốn khác phục. Công ty H đã chấp nhận đề nghị và liên hệ với Công ty Cổ phần T2 để nhận lại số tiền: 1.855.000.000 đồng (do Công ty TNHH MTV X đã chuyển nhưng chưa được hoàn trả). Sau khi cấn trừ số tiền Công ty TNHH MTV X còn phải thanh toán cho Công ty H số tiền còn lại là: 1.045.000.000 đồng. Ngày 22/7/2025 tại Công ty X và Công ty H lập biên bản thoả thuận về việc giải quyết vụ án. Theo thoả thuận thì Công ty X phải chi trả trước 700.000.000 đồng bằng hai đợt: Đợt 1 là 300.000.000 đồng vào ngày 15/8/2025; Đợt 2 là 400.000.000 đồng vào ngày 15/10/2025, nhưng Công ty TNHH MTV X chỉ thực hiện thanh toán đợt 1 được 300.000000 đồng còn đợt 2 không không thực hiện theo đúng như thoả thuận mặc dù Công ty TNHH H nhiều lần gọi điện vẫn cương quyết trốn tránh. Do vậy thoả thuận này được xem là vô hiệu. Nay Công ty TNHH H yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV X có nghĩa vụ hoàn trả số tiền còn nợ: 745.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 400.000.000đồng và yêu cầu Tòa án buộc công ty X thực hiện hoàn trả số tiền 345.000.000 đồng .

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH MTV X trình bày:*

Căn cứ vào hợp đồng thuê thiết bị thi công số 45/HĐTTC/SM-NT ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc "thuê thiết bị thi công nạo vét Công trình: Nạo vét sông C

(K-Km 19=456,04). Giữa bên A (bên thuê) Công ty TNHH H và bên B Công ty TNHH MTV X. Sau khi ký kết hợp đồng trên, bên A đã chuyển khoản chi tạm ứng cho bên B số tiền 2.900.000.000 đồng .

Tuy nhiên, do gói thầu HW3-2 nạo vét sông C - phần nạo vét không thể triển khai nên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng thi công tại biên bản ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Công ty TNHH H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV X trả lại số tiền 2.900.000.000 đồng Tòa án thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH H và Công ty TNHH MTV X đã thống nhất thỏa thuận Công ty TNHH MTV X chỉ phải trả lại cho Công ty TNHH H số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Thời hạn trả tiền cụ thể như sau:

Đợt 1: Ngày 15 tháng 8 năm 2025 trả 300.000.000 đồng; Đợt 2: Ngày 15 tháng 10 năm 2025 trả 400.000.000 đồng . Theo đó Công ty TNHH H rút đơn khởi kiện, Công ty TNHH MTV X rút đơn phản tố và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi có Quyết định đình chỉ và thực hiện theo bản thỏa thuận ngày 15 tháng 8 năm 2025 Công ty TNHH MTV X đã chuyển trả số tiền 300.000.000 đồng và ngày 23 tháng 12 năm 2025 trả hết số tiền còn lại là 400.000.000 đồng. Như vậy, Công ty TNHH MTV X đã thanh toán đầy đủ số tiền 700.000.000 đồng cho Công ty TNHH H. Nay Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV X phải trả số tiền 345.000.000 đồng Công ty X không chấp nhận. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 22/7/2025, Công ty X phải chuyển trả cho Công ty H số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 15/10/2025 nhưng đến ngày 23/12/2025, Công ty X mới chuyển trả số tiền trên. Thấy Công ty X đã chậm thanh toán là 68 ngày nên Công ty X đồng ý tự nguyện hỗ trợ trả số tiền lãi 68 ngày của 400.000.000 đồng với mức lãi suất vay là 7,6%/năm. Cụ thể tiền lãi chậm trả là 5.663.561 đồng.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng*:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên toà xét xử. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với số tiền 400.000.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X đối với số tiền 345.000.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV X về thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty TNHH H với số tiền là 5.663.561 đồng.

Án phí KDTM sơ thẩm nguyên đơn Công ty TNHH H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp Công ty TNHH H đối với Công ty TNHH MTV X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 31/3/2022 Công ty TNHH H(gọi tắt là công ty H) ký với Công ty TNHH MTV X(gọi tắt là công ty X) 01 Hợp đồng thuê thiết bị thi công số: 45/HĐTTC/SM-NT ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc thuê thiết bị thi công nạo vét công trình: "Nạo vét Sông Cổ C". Với tổng giá trị Hợp đồng là: 6.450.000.000 đồng. Theo đó công ty H tạm ứng cho công ty X số tiền 2.900.000.000 đồng cho hợp đồng các bên ký kết nêu trên.

Tuy nhiên sau khi nhận được tiền tạm ứng thì do khách quan dự án nạo vét sông C phải tạm dừng và yêu cầu công ty X phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã tạm ứng nhưng không thực hiện.

Ngày 26/12/2024 Công ty H đã tiến hành khởi kiện Công ty X đến Toà án với yêu cầu hoàn trả lại toàn bộ số tiền: 2.900.000.000 đồng. Quá trình giải quyết phía Công ty X cấn trừ số tiền 1.855.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu đồng) từ Công ty CP T2 và đã được chấp nhận. Số tiền còn lại 1.045.000.000 đồng thì các bên thỏa thuận công ty X chỉ phải thanh toán cho công ty H 700.000.000 đồng, thời gian thanh toán cụ thể: Ngày 15 tháng 8 năm 2025 trả 300.000.000 đồng; Ngày 15 tháng 10 năm 2025 trả 400.000.000 đồng. Thực hiện thảo thuận công ty X trả được đợt 1 là 300.000.000 đồng, đợt 2 trả vào ngày 23 tháng 12 năm 2025 là 400.000.000 đồng. Do không thực hiện đúng hẹn cam kết của đợt trả lần 02 nên Công ty H cho rằng vi phạm thoả thuận nên thảo thuận này là vô hiệu.

Nay Công ty H yêu cầu buộc Công ty X có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 345.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty X cho rằng đã thanh toán hết số tiền 700.000.000đồng như đã cam kết nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên do nhận thấy thanh toán đợt 02 chậm hơn so với thỏa thuận nên Công ty X sẽ thanh tự nguyện

thanh toán lãi cho số tiền 400.000.000 đồng của những ngày chậm trả 68 ngày của đợt 02 là 5.633.561 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Xuất phát thực tế trước đây Công ty H ký kết với Công ty X 01 Hợp đồng thuê thiết bị thi công số: 45/HĐTTC/SM-NT ngày 31/3/2022 về việc thuê thiết bị thi công nạo vét công trình: "Nạo vét Sông Cổ C". Với tổng giá trị Hợp đồng là: 6.450.000.000 đồng. Theo đó Công Ty H đã tạm ứng cho công ty X số tiền 2.900.000.000 đồng cho hợp đồng các bên ký kết nêu trên, tuy nhiên do khách quan đã thay đổi phải tạm dừng nhưng chưa hoàn trả số tiền này. Quá trình giải quyết các bên đã thực hiện việc tính toán cấn trừ các hạng mục khác của nhau, số tiền công ty X còn phải hoàn trả 1.045.000.000 đồng và sau đó các bên đi đến thống nhất Công ty X chỉ phải trả lại cho công ty H số tiền 700.000.000 đồng, đồng thời thể hiện rõ về số tiền trả cũng như thời gian trả. Việc thỏa thuận này các bên cũng đã lập bằng văn bản ngày 22/7/2025. HĐXX thấy, văn bản thỏa thuận này của các bên đã lập là phù hợp về hình thức cũng như nội dung, sự tự nguyện thỏa thuận được lập không trái pháp luật. Theo đó Công ty X đã thực hiện thanh toán đủ số tiền 700.000.000 đồng cho công ty H 02 lần vào ngày 15/8/2025 và 23/12/2025 thể hiện tại phiếu ủy nhiệm chi là có căn cứ, chứng minh cho việc đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán như cam kết. Mặt khác tại văn bản thỏa thuận các bên không có cam kết nào cho trường hợp nếu công ty X không thực hiện đúng thời gian thì thỏa thuận hết hiệu lực và bị coi là vô hiệu. Ngoài ra phía công ty H ngoài lời trình bày ra không có căn cứ nào chứng minh cho thỏa thuận trả nợ các bên đã lập là vô hiệu. Do vậy ý kiến của Công ty H cho rằng do vi phạm thời gian trả nên thoả thuận của các bên đã lập bị vô hiệu và yêu cầu thanh toán 345.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Hiện nay, thấy đề nghị tự nguyện của Công ty X cho rằng do thanh toán đợt 02 chậm hơn so với thỏa thuận nên nay Công ty X sẽ thanh toán lãi cho số tiền 400.000.000đ của những ngày chậm trả 68 ngày của đợt 02 là 5.663.561 đồng. Sự tự nguyện này là phù hợp được chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 400.000.000đ, thấy yêu cầu này hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp.

[9] Án phí KDTM sơ thẩm: Công Ty H phải chịu 17.250.000 đồng được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí 16.500.000đồng đã nộp tại Cơ quan Thi hành án khu vực 2- Đà Nẵng, theo biên lai thu 0409 ngày 14 tháng 01 năm 2026, số tiền Công ty H còn phải nộp thêm do bị bác yêu cầu là 750.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với số tiền 400.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV X đối với số tiền 345.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH MTV X về thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty TNHH H với số tiền là 5.663.561 đồng.

4. Án phí KDTM sơ thẩm: Công Ty H phải chịu 17.250.000 đồng được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí 16.500.000 đồng đã nộp tại Cơ quan Thi hành án khu vực 2- Đà Nẵng, theo biên lai thu 0409 ngày 14 tháng 01 năm 2026, số tiền Công ty H còn phải nộp thêm do bị bác yêu cầu là 750.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 2-ĐN;
- THADS TP. ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Anh